**BÀI 6**

**NGUYỄN DU “NHỮNG ĐIỀU TRÔNG THẤY MÀ ĐAU ĐỚN LÒNG”**

( Đọc: 7 tiết, Thực hành tiếng Việt: 1 tiết, Viết: 3 tiết, Nói và nghe: 1 tiết)

**A. MỤC TIÊU CHUNG**

**1. Về kiến thức:**

- Tiểu sử về Nguyễn Du, những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật trong sáng tác của Nguyễn Du, vị trí của ông trong nền văn học dân tộc.

- Đọc hiểu một số tác phẩm tiêu biểu thơ của Nguyễn Du: Trao duyên (Trích Truyện Kiều), Độc Tiểu Thanh kí và một số văn bản khác.

- Thực hành biện pháp tu từ lặp cấu trúc, biện pháp tu từ đối.

- Quy trình viết văn bản thuyết minh về một tác phẩm văn học.

- Thảo luận giới thiệu một tác phẩm văn học.

**2. Về năng lực:**

- Vận dụng được những hiểu biết về Nguyễn Du để đọc hiểu một số tác phẩm của đại thi hào.

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện thơ Nôm như: cốt truyện, nhân vật, người kể chuyện, độc thoại nội tâm, bút pháp miêu tả, ngôn ngữ.

- So sánh được hai văn bản văn học ở các giai đoạn khác nhau viết cùng đề tài; liên tưởng, mở rộng vấn đề để hiểu sâu hơn văn bản được đọc.

- Hiểu được đặc điểm và tác dụng của biện pháp tu từ lặp cấu trúc và biện pháp tu từ đối trong sáng tác văn học.

- Viết được bài văn thuyết minh về tác phẩm văn học, có lồng ghép một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận.

- Giới thiệu được (dưới hình thức nói) một tác phẩm văn học theo lựa chọn cá nhân.

**3. Về phẩm chất:**

- Trân trọng những di sản văn học; đồng cảm, chia sẻ với tinh thần nhân đạo thấm đượm trong nền văn học truyền thống của dân tộc.

**B. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

**PHẦN 1: ĐỌC**

**TIẾT 55,56**

**TÁC GIA NGUYỄN DU**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Tiểu sử về Nguyễn Du.

- Những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật trong sáng tác của Nguyễn Du.

- Vị trí của Nguyễn Du trong nền văn học dân tộc.

**2. Năng lực**

- HS nhận biết được những thông tin chính trong tiểu sử của Nguyễn Du.

- HS nhận biết được những đặc điểm cơ bản về nội dung và nghệ thuật trong sáng tác của Nguyễn Du; từ đó vận dụng vào việc đọc hiểu các văn bản: Trao duyên (Trích Truyện Kiều), Độc Tiểu Thanh kí và một số văn bản khác trong phần Thực hành đọc.

- HS đánh giá được những đóng góp to lớn của Nguyễn Du đối với nền văn hóa, văn học dân tộc.

**3. Phẩm chất:**

- Biết tự hào và có ý thức gìn giữ di sản văn hoá của dân tộc.

**-** Kính trọng, biết ơn và học tập những nhân vật kiệt xuất đã có đóng góp lớn lao cho lịch sử và văn hoá dân tộc.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:**

- Máy tính, ti vi, Máy chiếu, giấy AO, A4…

**2. Học liệu:**

**-** Bài giảng điện tử, sách giáo khoa, tài liệu tham khảo, hình ảnh, clip về tác giả và tác phẩm, phiếu học tập, bảng kiểm**.**

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Tổ chức**

**2. Kiếm tra bài cũ:** Thực hiện trong phần khởi động

**3. Bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**:

**-** Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, thu hút học sinh chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về tác gia Nguyễn Du.

**b. Nội dung:**

**-** HS trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:**

- Câu trả lời đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  **-** GV phát đoạn nhạc ví dặm tạo tâm thế cho HS.  - GV đặt câu hỏi: Những câu hát trữ tình vừa rồi đã đưa chúng ta trở về với quê hương của tác giả *Truyện Kiều* mà các em đã có dịp tìm hiểu trong chương trình THCS. Sau đây, cô đưa ra 3 bức ảnh, các em hãy quan sát thật kĩ để chỉ ra cho cô những cụm từ được dùng để tôn vinh tác giả *Truyện Kiều*?  images1224836_nguyen_du2 nd2 hoi%20thao%20qte%20250%20ngay%20sinh%20nguyen%20du  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS trả lời.  **B3. Báo cáo thảo luận:**  - HS trả lời.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  - GV nhận xét: Ở Việt Nam có những tên tuổi được tôn vinh là danh nhân văn hóa thế giới. Nhưng chỉ riêng Nguyễn Du được tôn vinh là đại thi hào dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới. Vậy điều gì đã tạo nên tầm vóc ấy? Bài học hôm nay cô trò chúng ta tiếp tục hành trình đi tìm câu trả lời trên. | - Cụm từ: Đại thi hào dân tộc; Danh nhân văn hóa thế giới |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Nội dung 1. TÌM HIỂU TRI THỨC NGỮ VĂN**

1. **Mục tiêu:**

- Nhận biết đặc điểm của văn học trung đại Việt Nam: giao lưu và sáng tạo trong văn học trung đại Việt Nam.

- Nhận biết đặc điểm của truyện thơ Nôm.

- Vận dụng những hiểu biết về đặc điểm của văn học trung đại Việt Nam, đặc điểm truyện thơ Nôm vào việc tìm hiểu cuộc đời và đọc hiểu những sáng tác của Nguyễn Du.

1. **Nội dung:**

- HS trả lời câu hỏi.

1. **Sản phẩm:**

- Câu trả lời.

1. **Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - HS tự đọc phần Tri thức ngữ văn.  - HS trả lời câu hỏi: Em hiểu như thế nào về hiện tượng giao lưu và sáng tạo trong văn hóa, văn học? Nêu dẫn chứng minh họa cho cách hiểu của em.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  **-** HS trả lời câu hỏi.  **B3. Báo cáo thảo luận**  - HS trình bày.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  **-** GV nhận xét và lưu ý những kiến thức trọng tâm.  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - HS tự đọc phần Tri thức ngữ văn.  - HS hoàn thành phiếu học tập:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Truyện thơ Nôm | | | | 1 | Khái niệm | …………. | | 2 | Phân loại | …………. | | 3 | Đề tài, chủ đề | …………. | | 4 | Nhân vật | …………. | | 5 | Vị trí | …………. |   **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  **-** HS hoàn thành phiếu học tập.  **B3. Báo cáo thảo luận**  - HS trình bày.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  **-** GV nhận xét và lưu ý những kiến thức trọng tâm.  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - HS tự đọc phần Tri thức ngữ văn về biện pháp tu từ lặp cấu trúc và biện pháp tu từ đối.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  **-** HS tự nghiên cứu.  **B3. Báo cáo thảo luận**  - HS tự nghiên cứu.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  **-** GV hướng dẫn HS tự nghiên cứu. | **A. TÌM HIỂU TRI THỨC NGỮ VĂN**  **1. Giao lưu và sáng tạo trong văn học trung đại Việt Nam.**  - Trong thời trung đại, Việt Nam nằm trong khu vực chịu ảnh hưởng giao thoa của hai nền văn hóa lớn là Trung Hoa và Ấn Độ.  - Một số phương diện chính của sự giao lưu và sáng tạo: tư tưởng, ngôn ngữ - văn tự, thể loại, chất liệu thơ văn (thể tài, cốt truyện, điển cố,…).  - Đặc điểm: giao lưu và sáng tạo trong văn học trung đại diễn ra theo nguyên tắc lựa chọn tinh hoa, chủ động “Việt hóa” các yếu tố ngoại lai để phù hợp với bản sắc và tinh thần văn hóa dân tộc.  **2. Truyện thơ Nôm**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Truyện thơ Nôm | | | | 1 | Khái niệm | - Là loại hình tác phẩm tự sự kết hợp phương thức tự sự và trữ tình, được viết bằng chữ Nôm, chủ yếu sử dụng thể thơ lục bát hoặc song thất lục bát. | | 2 | Phân loại | |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | Truyện thơ Nôm bình dân | Truyện thơ Nôm bác học | | Tác giả | - Khuyết danh, nho sĩ và trí thức bình dân. | - Có tên tác giả, nho sĩ quý tộc có học vấn uyên bác. | | Cốt truyện | - Lấy từ văn học dân gian hoặc trong đời sống. | - Lấy từ văn học Trung Quốc hoặc mang tính tự thuật. | | Hình thức nghệ thuật | - Thô mộc, giản dị, hồn nhiên. | - Trau chuốt, điều luyện. | | | 3 | Đề tài, chủ đề | - Rộng từ tôn giáo, lịch sử, xã hội đến cuộc sống đời thường, đặt ra nhiều vấn đề bức thiết của thời đại. | | 4 | Nhân vật | - Phong phú, đa dạng: vua chúa, quan lại, công chúa, tiểu thư, người hầu, người lao động, Nho sĩ,….  - Đặc điểm của nhân vật: con người bên ngoài (ngoại hình, lời nói, cử chỉ, hành động…) và con người bên trong (cảm xúc, suy nghĩ, diễn biến tâm lí,…).  - Nghệ thuật miêu tả nhân vật: tả cảnh ngụ tình, ngôn ngữ đối thoại, độc ngoại, ngôn ngữ nửa trực tiếp,… | | 5 | Vị trí | - Đóng góp to lớn vào việc phát triển ngôn ngữ văn học dân tộc.  - Nêu cao tinh thần tự hào dân tộc, góp phần gìn giữ ngôn ngữ dân tộc. |   **3. Biện pháp tu từ lặp cấu trúc và biện pháp tu từ đối:**  - Lặp cấu trúc: là biện pháp tu từ sử dụng những cụm từ hoặc câu có cùng kiểu cấu trúc nhằm nhấn mạnh nội dung cần biểu đạt, tạo nhịp điệu và tăng tính nhạc cho lời văn.  - Đối: là biện pháp tu từ sử dụng những từ ngữ hoặc câu sóng đôi với nhau nhằm nhấn mạnh sự tương đồng hoặc tương phản giữa các nội dung cần biểu đạt, tạo nhịp điệu và tăng vẻ đẹp cân xứng cho lời văn. |

**Nội dung 2: ĐỌC VĂN BẢN TÁC GIA NGUYỄN DU**

**\*HOẠT ĐỘNG ĐỌC VĂN BẢN**

**a. Mục tiêu:**

- HS biết cách đọc và tìm hiểu nghĩa của một số từ trong phần chú thích.

- HS nhận biết được những thông tin chính trong tiểu sử và sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Du.

**b. Nội dung**:

- HS đọc, quan sát SGK và tìm thông tin.

- GV hướng dẫn HS đọc văn bản và nắm rõ thông tin quan trọng và nghĩa một số từ Hán Việt ở phần chú thích

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HỌC SINH** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  **(1) GV hướng dẫn cách đọc**:  - GV yêu cầu HS đọc văn bản trước khi đến lớp, tóm tắt vào vở những nội dung cơ bản.  - Trên lớp:  + Cho HS đọc thầm, chọn đọc thành tiếng một vài mục cần nhấn mạnh.  + Hướng dẫn HS chú ý các câu hỏi gợi ý ở bên phải văn bản, thử trả lời nhanh các câu hỏi đó.  + Tìm hiểu chú thích SGK để hiểu chính xác văn bản.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  **+** HS đọc VB, giải thích nghĩa từ khó.  + GV quan sát, khích lệ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + Tổ chức trao đổi  + HS nhận xét lẫn nhau.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận:**  GV- nhận xét cách đọc của HS. | **B. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**  - Đọc  - Tìm hiểu chú thích và giải thích từ khó SGK |

**\* HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ VĂN BẢN**

**a. Mục tiêu:**

- HS nhận biết được những thông tin chính trong tiểu sử của Nguyễn Du.

- HS nhận biết được những đặc điểm cơ bản về nội dung và nghệ thuật trong sáng tác của Nguyễn Du; từ đó vận dụng vào việc đọc hiểu các văn bản: Trao duyên (Trích Truyện Kiều), Độc Tiểu Thanh kí và một số văn bản khác trong phần Thực hành đọc.

- HS nhận xét, đánh giá được những đóng góp to lớn của Nguyễn Du đối với nền văn hóa, văn học dân tộc.

**b. Nội dung:**HS quan sát SGK, thực hiện theo hướng dẫn để tìm hiểu nội dung kiến thức.

**c. Sản phẩm:**Câu trả lời, sản phẩm nhóm của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **\* Tìm hiểu về tiểu sử cuộc đời và sự nghiệp văn chương của Nguyễn Du**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  - GV nhắc lại nhiệm vụ giao học sinh làm ở nhà: chia lớp thành 3 nhóm.  **Nhóm 1**  + Nhiệm vụ: Tìm hiểu về cuộc đời Nguyễn Du  + Câu hỏi 1: Lập niên biểu Nguyễn Du và thuyết trình những yếu tố ảnh hưởng đến tài năng Nguyễn Du.  + Câu hỏi 2: Từ đó, em nhận xét về cuộc đời, con người Nguyễn Du.  + Cách thực hiện nhiệm vụ: Thu thập tài liệu và xử lý thông tin  + Cách trình bày: Sử dụng phần mềm Power point  + Thời gian trình bày: 3-4 phút  **Nhóm 2**  + Nhiệm vụ: Tìm hiểu các sáng tác chữ Hán của Nguyễn Du  + Câu hỏi 1: Giới thiệu các sáng tác chữ Hán của Nguyễn Du *(nêu tên, hoàn cảnh sáng tác các tập thơ; nội dung chính; ảnh bìa sách)*  *+* Câu 2*:* Vì sao *Bắc hành tạp lục* được đánh giá là tập thơ chữ Hán đặc sắc nhất của Nguyễn Du?  + Cách thực hiện nhiệm vụ: Thu thập tài liệu và xử lý thông tin  + Cách trình bày: Sử dụng sơ đồ tư duy  + Thời gian trình bày: 2-3 phút  **Nhóm 3**  + Nhiệm vụ: Tìm hiểu về *Truyện Kiều*  + Câu hỏi: Từ một cốt truyện vay mượn, Nguyễn Du đã có những sáng tạo gì khiến *Truyện Kiều* trở thành kiệt tác?  + Cách thực hiện nhiệm vụ: Thu thập tài liệu và xử lý thông tin  + Cách trình bày: Sử dụng phần mềm Power point  + Thời gian trình bày: 2-3 phút  - Các nhóm có 5 phút để cùng trao đổi, thống nhất về sản phẩm học tập và chuẩn bị báo cáo sản phẩm trước lớp  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  Các nhóm trao đổi, thống nhất về sản phẩm học tập và chuẩn bị báo cáo sản phẩm trước lớp  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - Đại diện nhóm lên lên lượt lên trình bày.  - Các nhóm khác theo dõi và cùng trao đổi với nhóm bạn  **Bước 4: Đánh giá, kết luận:**  - GV nhận xét, chốt ý trọng tâm.  - GV nhấn mạnh:  + Qua phần tìm hiểu về tiểu sử cuộc đời Nguyễn Du, chúng ta có thể khẳng định: Các yếu tố khách quan là quan trọng, nhưng những phẩm chất của bản thân người nghệ sĩ mới là yếu tố tiên quyết. Những yếu tố trong cuộc đời không đứt lìa mà trở thành máu thịt với nhà văn. Và với Nguyễn Du, đó chính là tiền đề quan trọng để tạo nên một thiên tài cùng một sự nghiệp văn học vĩ đại được viết bằng cả chữ Hán và chữ Nôm.  + Thơ chữ Hán Nguyễn Du giống như cuốn nhật kí trung thực ghi lại cuộc sống, tư tưởng, tình cảm của chính nhà thơ. Trong đó, *Bắc hành tạp lục* là tập thơ chữ Hán đặc sắc nhất của Nguyễn Du và nền thơ trung đại Việt Nam. Tập thơ sáng tác trong thời gian ông đi sứ nhà Thanh (1813-1814). Nét nổi bật ở tập thơ này, trong suốt thời gian lộ trình, Nguyễn Du không hề nói đến công chuyện đi sứ, không đề cập đến vấn đề xã giao thù tiếp của Triều đình và quan lại địa phương mà phần đa là những trang thơ thế sự, về con người và cuộc sống phương Bắc.  + Bên cạnh sáng tác bằng chữ Hán, Nguyễn Du còn có các sáng tác bằng chữ Nôm mà *Truyện Kiều* là một tác phẩm tiêu biểu. Ở đó, nhà văn đã biến một câu chuyện “tình khổ” thành một khúc ca đau lòng thương người người bạc mệnh, nói lên “những điều trông thấy” trong giai đoạn lịch sử đầy biến động đương thời. Việc Nguyễn Du mượn cốt truyện của *Kim Vân Kiều truyện* thuộc quy luật giao lưu văn hóa nói chung, quy luật của văn học trung đại nói riêng. Điều đáng nói là bằng sự sáng tạo của cá nhân người nghệ sĩ, Nguyễn Du đã biến một cốt truyện bình thường trở thành kiệt tác.  + Cùng với *Truyện Kiều*, Nguyễn Du còn để lại một số một tác phẩm chữ Nôm khác mà tiêu biểu là bài *Văn tế thập loại chúng sinh (*còn có tên gọi khác là *Văn chiêu hồn).* Trong trường dạ tối tăm trời đất, Nguyễn Du đã khóc thương cho hơn 10 loại người bất hạnh, từ những *kẻ màn lan trướng huệ* cho đến hạng kĩ nữ *Liều tuổi xanh buôn nguyệt bán hoa* hay những hài nhi xấu số *Lỗi giờ sinh lìa mẹ lìa cha…* Do tính quy phạm, văn học trung đại. Qua đó cho thấy tấm lòng nhân ái mênh mông với mọi kiếp người của bậc đại thi hào.  **\* Đánh giá vị trí, đóng góp của Nguyễn Du với dân tộc và nhân loại**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  - Câu hỏi: Sau một thời gian tìm hiểu, chắc hẳn mỗi em đã có câu trả lời cho câu hỏi: Điều gì đã khiến Nguyễn Du được tôn vinh là đại thi hào dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS suy nghĩ và thực hiện yêu cầu  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS trình bày kết quả  - HS khác nhận xét, bổ sung  **Bước 4: Đánh giá, kết luận:**  GV nhận xét, chốt ý: Để làm nên tầm vóc của một bậc đại thi hào dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới chắc hẳn do nhiều yếu tố. Nhưng cho dù là yếu tố nào thì điều căn cốt nhất vẫn là cái tài và cái tâm của người nghệ sĩ. Nói như Gam-za-tốp: *Cái tài nhờ cái tâm mà cháy lên, cái tâm nhờ cái tài mà tỏa sáng.* | **I. TIỂU SỬ**    *1. Quê hương*  - Quê cha: làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, nay thuộc Hà Tĩnh, vùng đất sơn kì thủy tú, cũng là quê hương của những là điệu dân ca ví dặm ngọt ngào, tha thiết ân tình.  - Quê mẹ: Bắc Ninh, cái nôi của dân ca quan họ, giàu truyền thống văn hóa  - Nơi sinh trưởng: Sinh ra và lớn lên ở Thăng Long, mảnh đất kinh kì văn hiến.  *2. Gia đình*  - Nguyễn Du xuất thân trong một gia đình phong kiến đại quý tộc có hai truyền thống lớn là truyền thống công danh khoa bảng và truyền thống văn hóa, văn học.  - Dòng họ Nguyễn Tiên Điền có truyền thống khoa bảng  - Cha Nguyễn Du là Nguyễn Nghiễm từng làm quan đến chức Tể tướng.  - Mẹ Nguyễn Du, bà Trần Thị Tần là người Bắc Ninh, có tài hát xướng.  *3. Thời đại*: Cuối TK 18 đầu TK 19  - XHPKVN khủng hoảng trầm trọng, loạn lạc bốn phương, các phong trào khởi nghĩa của nông dân, kiêu binh làm loạn. Tây Sơn thay đổi sơn hà, diệt Nguyễn, Trịnh, đuổi Xiêm, Thanh huy hoàng 1 thuở. Năm 1802 nhà Nguyễn lập lại chính quyền chuyên chế, thống nhất đất nước.  Chứng kiến những biến động kinh hoàng của thời đại, sáng tác Nguyễn Du mang cảm hứng về thân phận con người, về hiện thực xã hội với *những điều trông thấy.*  *4. Những mốc chính trong cuộc đời*  - Thời thơ ấu và niên thiếu: sống tại Thăng Long trong một gia đình quyền quý  + 10 tuổi mồ côi cha, 13 tuổi mồ côi mẹ, Nguyễn Du phải sống nhờ trong nhà Nguyễn Khản, người anh cùng cha khác mẹ ở Thăng Long. Nguyễn Khản đỗ quan to, nổi tiếng phong lưu một thời, mê hát xướng. Nhờ đó, Nguyễn Du có dịp hiểu biết về cuộc sống phong lưu, xa hoa của giới quý tộc phong kiến và có tấm lòng trắc ẩn với những người người ca nhi, kĩ nữ.  - Từ 1789 đến trước 1802: Tai biến ập đến, gia đình ly tán.  - Từ năm 1802: Khi triều Tây Sơn bị diệt vong và Nguyễn Ánh lập ra triều đại mới, Nguyễn Du ra làm quan với nhà Nguyễn.  *5. Bản thân*  - Tiếp nhận những tinh hoa, tinh túy từ quê hương, gia đình;  - Vượt qua những bi kịch trong cuộc đời bằng ý chí, nghị lực;  - Trải qua quá trình lao động nghệ thuật đầy khổ luyện.  ⇒ **Nhận xét về cuộc đời, con người Nguyễn Du :**  - Cuộc đời của Nguyễn Du trải qua nhiều biến cố gắn với bối cảnh thời đại.  - Nguyễn Du là con người tài năng, có vốn tri thức uyên bác, vốn sống phong phú. Đặc biệt, ông là người có tâm hồn nhạy cảm, sâu sắc, trái tim mang nặng nỗi thương đời, tấm lòng nhân hậu sâu sắc *“*con mắt nhìn xuyên sáu cõi, có tấm lòng nghĩ suốt nghìn đời”.  **II. SỰ NGHIỆP VĂN HỌC**  **1. Sáng tác chữ Hán:**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | |  | ***Thanh Hiên thi tập*** | ***Nam Trung tạp ngâm*** | ***Bắc hành tạp lục*** | | **Số lượng sáng tác** | 78 bài thơ | 40 bài thơ | 132 bài thơ | | **Hoàn cảnh sáng tác** | Trước khi ra làm quan nhà Nguyễn. Đó là những năm tháng bi thương nhất cuộc đời Nguyễn Du khi gia đình tan tác chia là, cuộc sống cùng quẫn, bế tắc. | Trong thời kì Nguyễn Du làm quan cho triều Nguyễn. | Trong thời gian Nguyễn Du đi sứ Trung Quốc. | | **Nội dung** | Thể hiện nỗi niềm thương thân và sự thấu hiểu, đồng cảm với những đau thương bất hạnh của con người, quê hương và thời đại. | + Bày tỏ nỗi chán nản, thất vọng về chốn quan trường và thể chế xã hội bất công; khao khát được về sống ẩn dật;  + Thể hiện niềm xót xa cho thân phận con người trong cảnh loại li; | + Thể hiện niềm cảm thương, day dứt trước số phận con người, đặc biệt là những kiếp tài hoa, trung nghĩa nhưng bị chà đạp  + Phơi bày thực trạng bất công, tương phản giữa những điều “nghe thấy” và “trông thấy”. |   **2. Sáng tác chữ Nôm**  **a. Giới thiệu chung về các sáng tác chữ Nôm:**  - *Văn tế sống hai cô gái Trường Lưu* (văn tế), *Thác lời trai phường nón* (lục bát): Thể hiện nhưng cảm xúc tình tứ, lãng mạn đậm dấu ấn dân gian.  - *Văn tế thập loại chúng sinh* (song thất lục bát) là tiếng khóc thương cho những kiếp người nhỏ bé bất hạnh tỏng xã hội bất công.  - *Truyện Kiều* (truyện thơ Nôm)  **b. *Truyện Kiều***   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Cốt truyện** | **Vị trí** | **Giá trị tư tưởng** | **Giá trị nghệ thuật** | | Truyện Kiều tiếp thu đề tài, cốt truyện của *Kim Vân Kiều truyện* của Thanh Tâm Tài Nhân (Trung Quốc). | - Là một kiệt tác, có sức hút với cả giới tri thức và bình dân, hòa nhập vào đời sống với những sinh hoạt văn hóa của người Việt.  - Đến nay, tác phẩm được dịch ra nhiều thứ tiếng trên thế giới. | - Tôn vinh vẻ đẹp của con người, đặc biệt là phụ nữ  - Cảm thông, xót thương trước thân phận của con người giữa một xã hội bất công và cất tiếng đòi quyền sống cho con người.  - Trân trọng những khát vọng chính đáng của con người: khát vọng tình yêu và khát vọng sống tự do.  - Lên án, tố cáo xã hội phong kiến đầy rẫy bất công, thối nát.  => Tưởng nhân đạo lớn lao, sâu sắc, độc đáo. | - Cốt truyện được xây dựng theo mô hình chung của truyện thơ Nôm gồm ba phần: Gặp gỡ - chia li – đoàn tụ nhưng có sự “phá cách” khi Kiều được đoàn tụ gia đình nhưng cả Kim – Kiều đều không được hạnh phúc trọn vẹn.  - Thể thơ lục bát truyền thống của dân tộc  - Ngôn ngữ tiếng Việt được sử dụng phong phú, nhuần nhuyễn và sáng tạo: sử dụng ngôn ngữ chọn lọc, tinh tế; kết hợp ngôn ngữ bình dân và ngôn ngữ văn chương bác học…  - Nghệ thuật xây dựng nhân vật thành công  + Sáng tạo thêm một số chi tiết mới để tạo ra một thế giới nhân vật sống động.  + Đi sâu vào miêu tả tâm lí nhân vật. |   **III. TỔNG KẾT**  - Nguyễn Du là nhà nhân đạo chủ nghĩa lớn.  - Là một tài năng nghệ thuật xuất chúng. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP:**

**a. Mục tiêu:**

- HS nhận biết và phân tích được những biểu hiện của tư tưởng nhân đạo trong một số sáng tác tiêu biểu của Nguyễn Du

**b. Nội dung:**Từ những tri thức đã được khám phá, HS đọc kĩ một số đoạn thơ tiêu biểu và phân tích được biểu hiện của giá trị nhân đạo.

**c. Sản phẩm:**Câu trả của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  **GV nêu yêu cầu:** Dù là sáng tác chữ Hán hay chữ Nôm thì các tác phẩm của Nguyễn Du đều thẫm đẫm tinh thần nhân đạo của một nhà nhân đạo chủ nghĩa lớn. Các em hãy phân tích biểu hiện của tư tưởng nhân đạo ấy qua những đoạn thơ sau:  *1. Một mẹ cùng ba con*  *Lê la bên đường nọ*  *Đứa bé ôm trong lòng*  *Đứa lớn tay mang giỏ*  *Trong giỏ đựng những gì*  *Mớ rau lẫn tấm cám*  *Trưa rồi bụng vẫn không*  *Quần áo rách túm tụm*  *Gặp người chẳng dám nhìn*  *Lệ sa vạt áo ướt*  ***(Sở kiến hành)***  *2. Đau đớn thay phận đàn bà*  *Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung*  ***(Truyện Kiều)***  *3. Đi ra xe ngựa, về vênh váo*  *Lên mặt Quỳ, Cao, tán chuyện đời!*  *Không lộ vuốt nanh cùng nọc độc*  *Mà xé thịt người nhai ngọt xớt!*  ***(Phản “Chiêu hồn”)***  *4. Cửa ngoài vội rủ rèm the,*  *Xăm xăm băng lối vườn khuya một mình.*  ***(Truyện Kiều)***  *5. Đường đường một đấng anh hào*  *Côn quyền hơn sức lược thao gồm tài*  *Đội trời đạp đất ở đời*  *Họ Từ, tên Hải vốn người Việt Đông.*  *Giang hồ quen thói vẫy vùng*  *Gươm đàn nửa gánh non sông một chèo.*  ***(Truyện Kiều)***  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS suy nghĩ và thực hiện yêu cầu  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS trình bày kết quả  - HS khác nhận xét, bổ sung  **Bước 4: Đánh giá, kết luận:**  GV nhận xét, góp ý | - Tìm hiểu về cuộc đời Nguyễn Du, chúng ta đã biết, Nguyễn Du xuất thân từ giai cấp quý tộc phong kiến nhưng đã sống như một người dân thường giữa thế gian, nhờ vậy ông thông cảm sâu xa với số phận bất hạnh của những con người nghèo khổ như mấy mẹ con người ăn xin *Trưa rồi bụng vẫn không/ Quần áo rách túm tụm/ Gặp người chẳng dám nhìn/ Lệ sa vạt áo ướt.*  - Thời đại Nguyễn Du sống là thời kì khủng hoảng của XHPK, quyền sống của con người, đặc biệt là của người phụ nữ bị xâm phạm, chà đạp. Vì vậy có nhhiều tác phẩm thể hiện sự thương xót cho người phụ nữ. Nhưng chưa ở đâu tiếng nói ấy lại cất lên sâu sắc, thấm thía như trong sáng tác của Nguyễn Du. Hơn một lần ông xót xa *Đau đớn thay phận đàn bà.*  - Trong sáng tác của mình, Nguyễn Du có sự cảm thông sâu sắc với những người tài hoa bạc mệnh. Nguyễn Du đặc biệt đề cao những người có tài văn chương, đàn hát, những người sáng tạo ra giá trị tinh thần cho xã hội như nàng Tiểu Thanh, người gảy đàn ở đất Long Thành, nàng Kiều…  - Bên cạnh tình yêu thương là sự căm phẫn những thế lực chà đạp con người. Đó là sự tàn bạo của quan lại phong kiến, những kẻ tuy bề ngoài *không lộ vuốt nanh cùng nọc độc* mà *xé thịt người nhai ngọt xớt.*  - Vượt ra khỏi khuôn khổ của lễ giáo phong kiến, Nguyễn Du trân trọng, đồng tình với khát vọng tình yêu của nàng Kiều qua bước chân *xăm xăm băng lối vườn khuya một mình*, cổ vũ cho cái bước chân *Còn làm sửng sốt bao cô gái thời hiện đại* ấy.  - Trân trọng, đồng tình với khát vọng tự do của con người, Nguyễn Du đã ngợi ca Từ Hải người anh hùng *đội trời đạp đất, đường đường một đấng anh hào.* Và chính con người ấy đã giúp Kiều báo ân báo oán, thực hiện ước mơ công lí. |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG:**

**a. Mục tiêu:**

- HS đánh giá được giá trị của kiệt tác *Truyện Kiều* và khẳng định được sức sống của *Truyện Kiều* trong đời sống hôm nay.

**b. Nội dung:**HS sưu tầm tư liệu và xây dựng ý tưởngxây dựng không gian nghệ thuật – du lịch về *Truyện Kiều*

**c. Sản phẩm:**Ý tưởng dự án của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ về nhà:**  **GV nêu yêu cầu:** *Truyện Kiều –* kiệt tác mà Nguyễn Du để lại không chỉ là quốc hồn quốc túy mà đã trở thành tài sản vô giá của nhân loại. Cho đến hôm nay, *Truyện Kiều* được dịch ra khoảng hơn 20 thứ tiếng trên thế giới. *Truyện Kiều* không chỉ đi vào đời sống văn hóa tinh thần của con người mà còn có mặt trên bàn đàm phán ngoại giao. Nhằm đưa sáng tác của Nguyễn Du đến gần hơn với công chúng trong nước và quốc tế, ThS. Lư Thị Thanh Lê trong bài viết *Xây dựng công viên chủ đề “Truyện Kiều”* (Báo *Nhân dân điện tử*, 21/8/2015) có đề xuất: “xây dựng một theme-park - không gian nghệ thuật, du lịch có sức hấp dẫn hơn đối với đại chúng về *Truyện Kiều*.”  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS trao đổi thảo luận theo nhóm học tập, lên ý tưởng dự án  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  Các nhóm tình bày ý tưởng dự án vào tiết học sau  **Bước 4: Đánh giá, kết luận:**  GV nhận xét, đánh giá |  |

**3. Củng cố**

**4. Hướng dẫn về nhà:**

- Hoàn thành bài tập vận dụng

- Đọc và chuẩn bị bài Trao duyên

**Tiết 57-59 - VĂN BẢN 2**

**TRAO DUYÊN**

**(Trích *Truyện Kiều*) - Nguyễn Du**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

**-**Học sinh hiểu được tâm trạng đầy mâu thuẫn, bế tắc, đau đớn của Thúy Kiều khi trao duyên cho Thúy Vân, nhờ Vân trả nghĩa cho Kim Trọng

- Học sinh phân tích được nghệ thuật của Nguyễn Du trong việc miêu tả thế giới nội tâm phong phú, phức tạp của nhân vật và sử dụng ngôn ngữ đa dạng vừa bác học vừa bình dân.

- Học sinh thấy được tấm lòng nhân đạo sâu sắc của Nguyễn Du với con người, đặc biệt là những người tài hoa bạc mệnh như Kiều.

**2. Về năng lực:**

 - Vận dụng được những hiểu biết chung về tác giả Nguyễn Du và các kiến thức được giới thiệu trong bài học trước “Nguyễn Du – Cuộc đời và sự nghiệp” để hiểu đoạn trích theo đặc trưng của thể loại truyện Nôm.

- Nhận biết sự tương đồng và khác biệt của truyện thơ Nôm so với truyện thơ dân gian.

- Phân tích và đánh giá được vị trí của đoạn trích “Trao duyên” trong tác phẩm “Truyện Kiều” và sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Du.

**3. Về phẩm chất:**

Hs biết đồng cảm với tình yêu tha thiết, mãnh liệt và nỗi đau khổ sâu sắc của Thúy Kiều, cảm nhận được tấm lòng yêu thương, thấu hiểu, sự trân trọng của Nguyễn Du dành cho con người, đặc biệt là người phụ nữ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:** Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0

**2. Học liệu:** KHBD, SGK, SGV, SBT

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Tổ chức**

**2. Kiếm tra bài cũ: Chia sẻ điều em ấn tượng nhất về tác gia Nguyễn Du và tác phẩm Truyện Kiều.**

**3. Bài mới:**

**III.TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG- 3 phút.**

**a**. **Mục tiêu**: Giúp HS định hướng được nội dung bài học; tạo được hứng thú, khơi gợi nhu cầu hiểu biết của HS; kết nối trải nghiệm của HS với nội dung VB.

**b. Nội dung:** HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV/ Hs tham gia trò chơi “Ai nhanh hơn?”

**c. Sản phẩm:** Suy nghĩ của HS/ Kết quả trò chơi, thái độ tham gia trò chơi của Hs

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  Giáo viên nêu thể lệ trò chơi “Ai nhanh hơn? ”, sau đó chiếu slide những bức tranh họa cảnh Kim- Kiều gặp gỡ trong ngày hội đạp thanh và đêm thề nguyền đính ước và giao nhiệm vụ cho hs: *“Em quan sát thấy gì trong những bức họa? Kết quả của sự quan sát đó mang đến cho em những nhận xét như thế nào về mối tình Thúy Kiều- Kim Trọng? Theo em đâu là nội tình sâu xa của cuộc trao duyên giữa Thúy Kiều và Thúy Vân?”.* Hs nào phát tín hiệu giơ tay đầu tiên sẽ giành được quyền trả lời.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  - GV nêu thể lệ trò chơi “Ai nhanh hơn?”, chiếu slide hình ảnh và câu hỏi.  - Hs làm việc cá nhân, quan sát hình ảnh và lắng nghe câu hỏi sau đó giơ tay thật nhanh để xin trả lời.  **B3. Báo cáo thảo luận:** Hs nhanh nhất được phát biểu trả lời câu hỏi; 1-2 hs bổ sung (nếu cần).  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  **-** Gv nhận xét các câu trả lời, công bố kết quả trò chơi và trao thưởng.    - Gv dẫn dắt vào bài: Khi khái quát về số phận của Thúy Kiều, Mộng Liên Đường chủ nhân từng viết: “*Khi lai láng tình thơ, người tựa án khen tài châu ngọc; khi duyên ưa kim cải non biển thề bồi; khi đất nổi ba đào cửa nhà tan tác; khi lầu xanh, khi rừng tía đi về nghĩ cũng chồn chân; khi kinh kệ, khi can qua, mùi từng trải nghĩ càng tê lưỡi*’. Quả thực, trong suốt 15 năm lưu lạc, Thúy Kiều đã trải qua rất nhiều nỗi đau với vô vàn bi kịch của một kiếp người hồng nhan mà bạc mệnh. Và mở đầu cho kiếp đoạn trường đó chính là bi kịch gia đình li tán và tình yêu đầu đời tan vỡ. Bi kịch này được thể hiện rất rõ trong đoạn trích “Trao duyên”. Trong bài học này, chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu nội tình của cuộc trao duyên từ nguyên có, tâm trạng của người trong cuộc, cách thể hiện cũng như tấm lòng của nhà thơ. | **Câu trả lời của HS:**  **-** Em quan sát thấy: Bức họa đầu tiên tái hiện màn Kim- Kiều gặp gỡ tình cờ trong ngày hội đạp thanh; bức họa 2 là cảnh Thúy Kiều gảy đàn cho Kim Trọng nghe trong đêm thề nguyền đính ước; bức họa 3 là cảnh Kim Kiều chia tay.  - Qua đó em hình dung được tình yêu giữa Thúy Kiều và Kim Trọng là mối tình đầu vừa chớm hé “Chưa vui sum họp đã hầu chia phôi” nhưng vô cùng mãnh liệt, sâu sắc.  - Có lẽ vì cơn gia biến, Thúy Kiều đã phải hi sinh bản thân, hi sinh cả tình yêu. Và nàng sẽ phải vô cùng đâu đớn, tiếc nuối khi tự tay trao duyên tình của mình cho người khác, kể cả đó là em gái. |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC- 75 phút**

**Nội dung 1. Tìm hiểu khái quát- 10 phút**

**a. Mục tiêu:**

- Đọc văn bản và thực hiện một số kĩ thuật đọc thông qua việc trả lời một số câu hỏi trong khi đọc.

- Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, đọc văn bản theo sự hướng dẫn của GV

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  GV chuyển giao nhiệm vụ  **1. Đọc:**  - GV yêu cầu HS đọc trước đoạn trích ở nhà, chú ý đọc kĩ phần cước chú để hiểu từ ngữ, ghi lại những từ ngữ cảm thấy khó hiểu, nên học thuộc lòng đoạn trích.  - Gv mời một số hs đọc thành tiếng theo lối đọc phân đoạn, lớp nghe và chú ý đối chiếu với *câu hỏi trong hộp chỉ dẫn.*  - HS lắng nghe, tiếp nhận nhiệm vụ.  **2. Tìm hiểu chung**  - Gv nêu câu hỏi định hướng khắc sâu hiểu biết về tác giả Nguyễn Du và tác phẩm Truyện Kiều: *Từ những điều đã khám phá trong Vb1, em hãy 1 đến 2 câu văn để giới thiệu về vị trí của Nguyễn Du và Truyện Kiều trong nền văn học dân tộc.*  + HS lắng nghe, tiếp nhận nhiệm vụ.  **-** Gv yêu cầu HS làm việc ở nhà trước để thực hiện các nhiệm vụ sau:  *+* Lập sơ đồ tư duy về mạch tự sự và bố cục của đoạn trích.  + Nhìn vào mạch tự sự, em hãy chỉ ra đâu là lời người kể chuyện, đâu là lời đối thoại và lời độc thoại của các nhân vật.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  **-** Hs đọc Vb theo hướng dẫn của GV.  - Hs tham khảo SGK, tài liệu trên mạng để thực hiện nhiệm vụ.  **B3. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:**  **-** Báo cáo kết quả học tập tại lớp.  - Gv gọi 1- 2 em trình bày sản phẩm.  - Gv tổ chức cho Hs góp ý, nhận xét, bổ sung để hoàn thiện.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  Gv đánh giá, nhận xét kết quả làm việc của Hs. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Đọc**  **-** Cách đọc: Đọc rõ ràng, truyền cảm, chú ý đọc kĩ phần cước chú để hiểu từ ngữ, ghi lại những từ ngữ cảm thấy khó hiểu.  **2. Đoạn trích Trao duyên**  **\* Vị trí đoạn trích (Cước chú tr 14)**  - Từ 711- 758.  - Đây là đoạn thơ mở đầu cho cuộc đời lưu lạc đau khổ của Thúy Kiều.  **\* Sơ đồ tóm tắt mạch tự sự và bố cục:**  711- 723: Bối cảnh trao duyên  ↓  724-734: TK nói lời trao duyên và thuyết phục TV  ↓  735- 748: TK trao kỉ vật và dặn dò TV  ↓  749- 758: Lời độc thoại nội tâm than thở cùng KT của TK  → Đoạn trích Trao duyên có sự kết hợp các hình thức ngôn ngữ: lời người kể chuyện, lời nhân vật gồm lời đối thoại và lời độc thoại để khắc họa tâm trạng của nhân vật Thúy Kiều khi tra duyên. |

**Nội dung 2: Khám phá văn bản- 60 phút**

**a. Mục tiêu:**

**-**Học sinh hiểu được tâm trạng đầy mâu thuẫn, bế tắc, đau đớn của Thúy Kiều khi trao duyên cho Thúy Vân, nhờ Vân trả nghĩa cho Kim Trọng

- Học sinh phân tích được nghệ thuật của Nguyễn Du trong việc miêu tả thế giới nội tâm phong phú, phức tạp của nhân vật và sử dụng ngôn ngữ đa dạng vừa bác học vừa bình dân.

- Học sinh phân tích và đánh giá được vị trí của đoạn trích “Trao duyên” trong tác phẩm “Truyện Kiều” và sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Du.

- Học sinh thấy được tấm lòng nhân đạo sâu sắc của Nguyễn Du với con người, đặc biệt là những người tài hoa bạc mệnh như Kiều.

**-** Hs biết đồng cảm với tình yêu tha thiết, mãnh liệt và nỗi đau khổ sâu sắc của Thúy Kiều, cảm nhận được tấm lòng yêu thương, thấu hiểu, sự trân trọng của Nguyễn Du dành cho con người, đặc biệt là người phụ nữ.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, đọc văn bản theo sự hướng dẫn của GV

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu đoạn 1- 5 phút**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  Gv yêu cầu hs trao đổi theo hình thức nhóm đôi để giải quyết vấn đề:  *Đọc đoạn 1, tìm những từ ngữ chỉ thời gian, không gian và con người để hình dung, tái hiện bối cảnh trao duyên*. *Theo các em, ý định trao duyên cho TV được TK dự định sẵn hay bất chợt nảy sinh?*  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  Hs trao đổi nhanh với bạn bên cạnh và đưa ra câu trả lời cho cặp nhóm mình.  **B3. Báo cáo thảo luận**  - Đại diện 1 nhóm đứng tại chỗ trình bày, 1-2 nhóm nhận xét bổ sung nếu cần.  - Gv theo dõi, điều hành, hỗ trợ HS.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  GV nhận xét, đánh giá, bổ sung và chốt vấn đề.  **Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu đoạn 2,3,4- Diễn biến tâm trạng của TK khi trao duyên- 55 phút**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  **Gv chia lớp thành các nhóm (6-7 hs) để thực hiện nhiệm vụ:**  *+ Nhóm 1,2 thảo luận PHT số 1 để tìm hiểu về đoạn 2: TK nói lời trao duyên và thuyết phục TV*  *+ Nhóm 3,4 thảo luận PHT số 2 để tìm hiểu về đoạn 3: TK trao kỉ vật và dặn dò TV chuyện mai sau.*  *+ Nhóm 5,6 thảo luận PHT số 3 để tìm hiểu về đoạn 4: Lời độc thoại nội tâm than thở cùng KT của TK*  *- Gv chiếu slide và phát cho mỗi nhóm 1 phiếu học.*  **- HS tiếp nhận nhiệm vụ.**  **B2. Thực hiện nhiệm vụ- 20 phút**  - HS trong từng nhóm làm việc nhóm, thể hiện kết quả trên giấy A0**- 15 phút**  - 2 Nhóm cùng nhiệm vụ trao đổi kết quả cho nhau, ghi ý kiến bổ sung bằng màu mực khác- rồi trả kết quả về cho nhóm bạn hoàn thiện sản phẩm- **5 phút.**  - Gv quan sát, cố vấn.  **B3. Báo cáo thảo luận- 24 phút**  **(Mỗi nhóm có tối đa 5 phút cho phần báo cáo, 3 phút cho tranh luận)**  - Đại diện nhóm: 1 hoặc 2 lên báo cáo kết quả nhiệm vụ đọc hiểu đoạn 2- lớp theo nghe có định hướng, cùng trao đổi với đại diện nhóm 1,2.  - Đại diện nhóm 3 hoặc 4 lên báo cáo kết quả nhiệm vụ tìm hiểu đoạn 3- lớp theo nghe có định hướng, cùng trao đổi với đại diện nhóm 3,4.  - Đại diện nhóm: 5 hoặc 6 lên báo cáo kết quả nhiệm vụ tìm hiểu đoạn 4- lớp theo nghe có định hướng, cùng trao đổi với đại diện nhóm 5,6.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện: 11 phút**  - Sau phần báo cáo, trao đổi, tranh luận của mỗi nhóm, GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. Mỗi nhóm Gv thực hiện trong khoảng 3 phút. | **II. Khám phá văn bản**  **1. Đoạn 1 (711-723): Bối cảnh trao duyên**  **-** Thời gian: “*Dầu chong trắng đĩa*”, “*chợt tỉnh giấc xuân”*  → đêm khuya.  - Không gian: “*dưới đèn*”  → căn phòng, thanh vắng.  - Con người:  + Thúy Vân: “ *ân cần hỏi han”, “chị riêng oan một mình”*  *→* lo lắng, cảm thông, muốn được chia sẻ cùng chị.  + Thúy Kiều:  ++ “*Lòng đương thổn thức đầy*”, “*tơ duyên còn vướng*”  → băn khoăn, trăn trở.  ++ “*hở môi... thẹn thùng*”  → lo lắng cho người khác, ý thức được sự hệ trọng của điều sắp nói.  ==> Cuộc trao duyên diễn ra trong bối cảnh đêm trước ngày TK lên đường theo MGS nhưng lòng còn trĩu nặng những băn khoăn, trăn trở, dằn vặt. Sự ân ần hỏi han và tấc lòng thấu hiểu của TV giúp TK lóe lên ý định cậy nhờ em gái thay mình trả món nợ ân tình với chàng Kim như là một giải pháp giúp nàng vẹn tròn cả bên tình bên hiếu.  **2. Diễn biến tâm trạng của Thúy Kiều khi trao duyên**  **2.1. Đoạn 2: Thúy Kiều nói lời trao duyên và thuyết phục Thúy Vân**  **\* Lời nhờ cậy đặc biệt:**  “Cậy em em có chịu lời  Ngồi lên cho chị lạy rồi sẽ thưa”  **-**Từ ngữ:  +“Cậy” (So với nhờ, mong): thanh trắc mang âm điệu nặng → nhờ vả, gửi gắm, tin tưởng, trông mong, hi vọng.  +“Chịu” (so với nhận lời): Thanh trắc đối âm với “cậy”: tăng thêm sức nặng cho sự tin tưởng→ bắt buộc, nài ép, chịu thua thiệt  **+**Hành động: “lạy”, “thưa”→ sự sang trọng, thái độ kính cẩn, cung kính, báo hiệu điều hệ trọng, khó xử sắp sửa được nói ra.  - Thành ngữ dân gian “*Giữa đường đứt gánh*” cùng cách kết hợp từ lạ “*gánh tương tư*”→ tình yêu sâu nặng nhưng dang dở giữa Thúy Kiều và Kim Trọng.  - Hình ảnh ẩn dụ “*keo loan*”, “*tơ thừa*”→ tình duyên chắp vá, gượng gạo với Kim Trọng mà Kiều đang phó mặc cho em.  => Lời nhờ cậy, lời trao duyên với ngôn từ đặc biệt kèm hành động khác thường cho thấy Kiều là người nhạy cảm, tinh tế, khéo léo, dù bản thân đang đau đớn, vỡ vụn vẫn biết đặt mình vào vị trí của người khác đề thấu hiểu.  **\* Lời thuyết phục: đưa ra 4 lí do:**  - Kể lại câu chuyện tình yêu với Kim Trọng:  Kể từ khi … chén thề  →ngắn gọn, đầy đủ những mốc son: gặp gỡ, thề nguyền, đính ước và cả cảnh ngộ nghiệt ngã để TV hiểu tình cảm sâu nặng, thiêng liêng giữa hai người, hiểu vì sao nàng phải cậy nhờ em thay mình trả nghĩa cho KT.  - Nhắc lại cơn gia biến và sự hi sinh của bản thân để cứu nguy cho cả gia đình: Sự đâu sóng …hai bề vẹn hai  - Phân tích điều kiện của em:Ngày xuân em hãy còn dài  - Viện đến tình ruột thịt sâu nặng:  Xót tình máu mủ thay lời nước non”  → Kiều khéo léo dẫn ra 4 lí do thấu tình đạt lý, vừa chân thành, vừa có sức nặng thuyết phục, đẩy Vân vào tình thế không thể không nhận lời.  **\*Lời cảm tạ:**  Chị dù thịt nát xương mòn  Ngậm cười chín suối hãy còn thơm lây”  → Tha thiết, chân thành, thấu tình đạt lí.  =>Với tài năng trong kết hợp lối nói trang nhã trong sáng tác văn chương bác học (sử dụng điển tích, điển cố) với cách nói giản dị, nôm na của văn chương bình dân (thành ngữ dân gian quen thuộc), Nguyễn Du đã thành công trong việc xây dựng vẻ đẹp của Thúy Kiều: Con người tình nghĩa, thông minh, khôn khéo, giàu đức hi sinh.  **2.2. Đoạn 3:** **Thúy Kiều trao kỉ vật và dặn dò Thúy Vân.**  **\* TK trao kỉ vật:**  **-**Phép liệt kê: Chiếc vành, bức tờ mây, phím đàn, mảnh hương nguyền  → Những kỉ vật thiêng liêng minh chứng cho tình yêu tha thiết, sâu nặng giữa Kim và Kiều được Kiều cất giữ và coi như những thứ vô giá trong đời mình.  - Tâm trạng khi trao kỉ vật:  *Duyên này thì giữ>< vật này của chung*  + “Duyên này”: duyên phận giữa Kim – Kiều nay Kiều trao lại cho Vân.  + “Vật này Của chung”: Trước đó chúng chỉ là những kỉ vật của Kim, Kiều nhưng nay còn là kỉ vật của Vân; Kiều vừa muốn trao lại cho Vân để từ nay Vân sẽ cất giữ chúng nhưng lại vừa muốn khẳng định chủ quyền bản thân trên những kỉ vật.  + “ em vợ nên chồng” ><“ lòng chẳng quên”: tự nguyện tác thành, mong em và chàng Kim nên duyên vợ chồng >< nhưng lại vẫn muốn khắc ghi bóng hình mình trong tâm trí chàng Kim.  → Phép tiểu đối được sử dụng nhuần nhuyễn, khéo léo cùng ngôn ngữ đối thoại nửa mê nửa tỉnh của nhân vật đã thể hiện những mâu thuẫn gay gắt trong nội tâm Kiều: Sự giằng xé giữa giữa lí trí và tình cảm, giữa hoàn cảnh và khát vọng, giữa hành động và lời nói.  → Nội tâm giằng xé cho thấy nỗi đau tột cùng, vỡ vụn của Kiều khi phải chia lìa, vĩnh biệt với mối tình đầu đẹp đẽ, lãng mạn.  \* **TK dặn dò TV chuyện mai sau:**  - “*Mai sau*”: những ngày sắp tới,tương lai.  **-** Trước đó khi trao duyên Kiều từng khẳng định nếu Vân nhận lời nhờ cậy, nàng sẽ “*ngậm cười chín suối hãy còn thơm lây*”.  - Nhưng trong lời dặn dò TV chuyện mai sau, Kiều lại hình dung trong khi em và người yêu đang hạnh phúc, mặn nồng, bản thân mình chỉ là kẻ mệnh bạc phải “ *thác oan*”- chết khi còn vấn vương hồng trần, còn mang nặng lời nguyện thề chưa trọn và sẽ hiện về như một hồn ma không thể siêu thoát.  → Những hình dung hãi hùng cho thấy tâm lí nhân vật đã có sự biến đổi từ trạng thái tỉnh táo, sáng suốt sang lúng túng, bối rối, thậm chí có lúc như rơi vào ảo giác. => Kiều trao kỉ vật cho em mà lòng Kiều thổn thức, não nề, nuối tiếc, đau xót. Tâm trạng đau đớn, vò xé, đang nói chuyện với Thuý Vân nhưng dường như nàng đang thảm thiết với nỗi đau riêng trong tâm hồn mình.  **2.3. Đoạn 4 (749-758):** **Lời độc thoại nội tâm của Thúy Kiều**  **\* Độc thoại nội tâm về tình cảnh của chính mình:**  **-** Sử dụng một loạt thành ngữ dân gian:  + “*trâm gãy bình tan”* → tình duyên tan vỡ;  + *“phận bạc như vôi”* → số phận bất hạnh;  + *“nước chảy hoa trôi”* → tương lai vô định  → Tâm trạng đau đớn tột cùng khi ý thức cao độ về hiện tại nghiệt ngã của mình.  \* **Hướng về chàng Kim để nói lời tạ tội, tiễn biệt:**  - Nhịp thơ hai câu cuối: 3/3 và 2/2/2/2 như nhát cắt, tiếng nấc nghẹn ngào, đau đớn chia lìa. - Kiều nhận lỗi lầm về mình, tự cho rằng mình là người phụ bạc.  - Day dứt, đau đớn vì lời thề dang dở.  → Ban đầu, Kiều ngỡ trao duyên cho TV là lối thoát giúp chu toàn cả bên tình bên hiếu giúp nàng vơi bớt những day dứt, khắc khoải, đau đớn. Nhưng kết thúc cuộc trao duyên, tình yêu và nỗi đau vẫn vẹn nguyên, thậm chí còn trào dâng mãnh liệt hơn. |

**Nội dung 3: Tổng kết- 5 phút**

**a. Mục tiêu:**

- Khái quát lại nội dung nghệ thuật của văn bản;

**b. Nội dung:** Giáo viên nêu nhiệm vụ, học sinh làm việc cá nhân

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS bằng ngôn ngữ nói, giấy nháp ghi kết quả làm việc cá nhân.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân vận dung kiến thức vừa đọc hiểu để hoàn thành nhiệm vụ:  *+ Khái quát nghệ thuật và nội dung văn bản ra giấy nháp.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ, trả lời  - Gv quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Hs trả lời  - Hs khác lắng nghe, bổ sung  - Gv quan sát, hỗ trợ  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt vấn đề. | **III. Tổng kết**  **1. Giá trị nội dung**  **-** Thông qua diễn biến tâm trạng của TK khi trao duyên, đoạn trích đã thể hiện bi kịch tình yêu và số phận bất hạnh của Thúy Kiều khi phải tự tay trao tình yêu đầu đời cho người khác.  - Qua đó, cho thấy nhân cách cao đẹp của TK khi hi sinh hạnh phúc cá nhân để đổi lấy bình yên cho gia đình, hi sinh cho tình yêu, suy nghĩ và hành động cho người khác.  **2. Đặc sắc nghệ thuật:**  - Đoạn trích có sự kết hợp, đan xen của nhiều hình thức ngôn ngữ: lời người kể chuyện, lời đối thoại và độc thoại của nhân vật, lời nửa trực tiếp.  - Đoạn trích cho thấy tài năng ngôn ngữ bậc thầy của Nguyễn Du khi kết hợp tinh hoa của hai dòng ngôn ngữ bác học và bình dân: Từ Hán Việt kết hợp từ thuần Việt; thành ngữ dân gian, từ láy...  - Miêu tả tinh tế diễn biến tâm trạng nhân vật. |

**PHIẾU HỌC TẬP**

|  |
| --- |
| Họ tên/Nhóm HS………………………………………..Lớp…………………… |
| **Phiếu học tập số 1**  **TRAO DUYÊN**  *(Trích Truyện Kiều - Nguyễn Du)*  **Tìm hiểu đoạn 2: Thúy Kiều trao duyên và thuyết phục Thúy Vân** |
| *- (?): Lời nhờ cậy Thúy Vân được Thúy Kiều bày tỏ vớ thái độ như thế nào? Tìm hiểu giá trị của những từ ngữ được dùng để thể hiện thái độ đó?*  *- (?): Thúy Kiều dựa vào điều gì để thuyết phục Thúy Vân?*  *- (?)Có ý kiến cho rằng, với 2 câu thơ cuối trong đoạn, Kiều đã viện đến cả cái chết để buộc Vân nhận lời. Ý kiến khác lại khẳng định đó chỉ cách nói thể hiện lời cảm tạ của Kiều? Em đồng tình với ý kiến nào? Vì sao?*  *- (?):Nhận xét về đặc sắc nghệ thuật của doạn thơ và vẻ đẹp tâm hồn của Thúy Kiều qua đoạn 2* |

|  |
| --- |
| Họ tên/Nhóm HS………………………………………..Lớp…………………… |
| **Phiếu học tập số 2**  **TRAO DUYÊN**  *(Trích Truyện Kiều - Nguyễn Du)*  **Tìm hiểu đoạn 3: Thúy Kiều trao kỉ vật và dặn dò Thúy Vân.** |
| *- (?):Những kỉ vật nào đã được Thúy Kiều trao lại cho Thúy Vân? Những kỉ vật ấy nói lên điều gì về mối tình Kim- Kiều?*  *- (?): Tìm những từ ngữ chỉ tâm trạng của Thúy Kiều khi trao kỉ vật? Sự mâu thuẫn, giằng xé trong tâm trạng TK cho thấy điều gì?*  *- (?): Khi thuyết phục TV, TK khẳng định nếu em nhận lời trao duyên thì nàng dẫu có phải chết cũng “Ngậm cười chín suối hãy còn hơm lây” nhưng trong lời dặn dò em, TK lại hình dung về bản thân như thế nào?*  - *(?):Nhận xét diễn biến tâm trạng của Thúy Kiều khi trao kỉ vật?* |

|  |
| --- |
| Họ tên/Nhóm HS………………………………………..Lớp…………………… |
| **Phiếu học tập số 3**  **TRAO DUYÊN**  *(Trích Truyện Kiều - Nguyễn Du)*  **Tìm hiểu đoạn 4: Lời độc thoại nội tâm của Thúy Kiều** |
| *- (?): Trong 10 câu thơ cuối, Nguyễn Du đã thay đổi hình thức ngôn ngữ như thế nào?*  *- (?):Tìm những từ, ngữ thể hiện ý thức về tình cảnh hiện tại của Thúy Kiều? Nhận xét về tình cảnh đó.*  *- (?) Lời độc thoại hướng về Kim Trọng có nội dung gì?* |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP- 4 phút**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Gv tổ chức trò chơi: “*Vòng quay văn học”*

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ: Gv tổ chức trò chơi “Vòng quay văn học”  **Câu 1: Ngôn ngữ, cử chỉ của Thúy Kiều trong 2 câu thơ “Cậy em em có chịu lời/Ngồi lên cho chị lạy rồi sẽ thưa” không thể hiện điều gì?**  A. Điều mà Thúy Kiều sắp nói rất đặc biệt, không dễ gì đem ra nhờ cậy.  B. Thúy Kiều rất thấu hiểu sự hi sinh của em gái khi chấp nhận điều mình sẽ nhờ cậy.  **C. Thúy Kiều đau đớn đến mức không biết người ngồi trước mặt mình là em gái.**  D. TK tỏ ý hàm ơn sâu sắc đối với em gái khi chấp nhận điều mình sẽ gửi gắm.  **Câu 2: Lý do TK đưa ra để thuyết phục em là gì?**  A. Sự sóng gió bất kì của gia đình  B. Ngày xuân còn dài của Thúy Vân  C. Tình chị em ruột thịt giữa TV và TK  **D. Cả A, B, C**  **Câu 3: Kỉ vật tình yêu được nhắc đến trong cuộc trao duyên là gì?**  A. Chiếc vành, bức tờ mây.  B. Phím đàn, mảnh hương nguyền.  **C. Cả A và B đều đúng**  D. Cả A và B đều sai.  **Câu 4: Điều gì không xuất hiện trong tưởng tượng của Thúy Kiều về tương lai sau khi đã trao duyên cho em?**  **A. Nàng sẽ được đoàn viên cùng Kim Trọng**  B. Nàng sẽ chịu số phận của người mệnh bạc, thác oan  C. Nàng vẫn nặng lời thề với tình yêu dành cho Kim Trọng  D. Nàng mong mỏi được chàng Kim thấu hiểu, cảm thông  **Câu 5: Trở lại với thực tế “ Bây giờ trâm gãy gương tan”, ngôn ngữ của Thúy Kiều hướng đến đối thoại cùng ai**?  A. Thúy Vân  B. Kim Trọng  C. Chính mình  **D. Cả B và C**  **Câu 6: Đoạn trích “Trao duyên” thể hiện nội dung gì?**  A. Bi kịch tình yêu tan vỡ  B. Thân phận bất hạnh của Thúy Kiều  C. Nhân cách cao đẹp của Thúy Kiều  **D. Cả A, B, C**  **Câu 7: Nhận xét chính xác nhất về những thành công nghệ thuật của đoạn trích “Trao duyên”?**  **A. Sự tài tình, tinh tế trong nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật; sự điêu luyện, tinh xảo trong việc lựa chọn và sử dụng ngôn ngữ; sự đa dạng, linh hoạt trong việc sử dụng các hình thức ngôn ngữ.**  B. Sự tài tình, tinh tế trong nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật.  C. Sự điêu luyện, tinh xảo trong việc lựa chọn và sử dụng ngôn ngữ; sự đa dạng, linh hoạt trong việc sử dụng các hình thức ngôn ngữ.  D. Sự tài tình, tinh tế trong nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật; sự điêu luyện, tinh xảo trong việc lựa chọn và sử dụng ngôn ngữ; sự đa dạng, linh hoạt trong việc sử dụng các hình thức ngôn ngữ; ngôn ngữ thơ giàu hình ảnh, nhịp điệu.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Gv phổ biến luật chơi, điều hành, quan sát.  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **-** Gv tổ chức hoạt động  - Hs nhận xét  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kết quả trò chơi và trao thưởng nếu có | |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG- 8 phút**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học vào thực hành

**b. Nội dung:** Gv hướng dẫn hs viết đoạn văn trong phần kết nối đọc viết.

**c. Sản phẩm học tập:** Đoạn văn của Hs

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  Truyện Kiều là tiếng nói hiểu đời, thương đời của Nguyễn Du. Viết đoạn văn khoảng 150 chữ chỉ ra biểu hiện của sự hiểu và thương ấy trong đoạn trích Trao duyên.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **-** Gv tổ chức hoạt động  - Hs nhận xét  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **Bảng kiểm đánh giá đoạn văn**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Tiêu chí** | **Đạt** | **Chưa đạt** | | Đảm bảo hình thức của đoạn văn (Lùi đầu dòng, viết hoa và kết thúc bằng dấu chấm câu) |  |  | | Rút ra được thông điệp có ý nghĩa với bản thân |  |  | | Chỉ ra ý nghĩa của thông điệp |  |  | | Đảm bảo chính tả, ngữ pháp |  |  | |

**4. Hướng dẫn về nhà học bài và chuẩn bị bài:** Soạn bài theo hướng dẫn VB 3: Độc Tiểu Thanh kí.